TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2020.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hoa Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quang– Bà Vũ Thị Minh Huệ

Thư ký phiên toà: Bà Mai Thị Thanh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Nữ – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 74/2020/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2020, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1993;
- Bị đơn: Anh Phan Hữu T, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: Khu phố 7, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, nguyên đơn – chị Trần Thị Ngọc M trình bày:***

Chị và anh Phan Hữu T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 25/4/2014, tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 43/2014, quyển số 01/2014.

Quá trình chung sống, anh chị hạnh phúc khoảng 03 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh và chị M không tìm được tiếng nói chung dẫn đến cãi nhau. Anh T không có trách nhiệm với gia đình, không lo chăm sóc vợ con, mọi sinh hoạt của anh T giấu kín, không chia sẻ với chị. Từ năm 2017 đến

nay, vợ chồng anh chị tuy sống chung một nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm nhau. Nhận thấy tình cảm với anh Tuyến không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Hữu T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung: Phan Trần Mỹ U, sinh ngày 25/8/2014 và Phan Hữu T, sinh ngày 18/9/2017. Tại phiên tòa, chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Phan Trần Mỹ U và Phan Hữu T. Yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi 1 người con nhỏ là Phan Hữu T mỗi tháng 3.000.000đ.

**** Đối với bị đơn – anh Phan Hữu T:***

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, cũng như đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh T nhưng anh T không chấp hành và cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp Tòa.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt không có lý do.

Qua xác minh tại địa phương thì vợ chồng anh chị có xảy ra nhiều mâu thuẫn.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng theo quy định pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trần Thị Ngọc M, chị M được ly hôn anh Phan Hữu T. Giao con chung Phan Trần Mỹ U, sinh ngày 25/8/2014 và Phan Hữu T, sinh ngày 18/9/2017 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng; buộc anh T cấp dưỡng nuôi con Phan Hữu T mỗi tháng 2 triệu đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng***: Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn Trần Thị Ngọc M. Bị đơn triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung là phù hợp quy định của Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] ***Về quan hệ hôn nhân:*** Chị Trần Thị Ngọc M và anh Phan Hữu T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 25/4/2014, tại Ủy ban nhân

dân xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 43/2014, quyển số 01/2014, nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc không bao lâu thì xảy ra mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không chấp hành, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gởi đến Tòa. Chứng tỏ anh T không có thiện chí giữ gìn quan hệ hôn nhân, anh chị không có giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn giữa anh chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không tồn tại nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của chị Trần Thị Ngọc M, chị M được ly hôn anh Phan Hữu T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] ***Về con chung và*** **cấp dưỡng nuôi con:** Anh chị có 02 con chung: Phan Trần Mỹ U, sinh ngày 25/8/2014 và Phan Hữu T, sinh ngày 18/9/2017. Khi ly hôn, chị M có nguyện vọng muốn trực tiếp nuôi dưỡng 02 con. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện các con đang sống chung với chị, để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, Hội đồng xét xử giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung: Phan Trần Mỹ U, sinh ngày 25/8/2014 và Phan Hữu T, sinh ngày 18/9/2017. Chị M yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 3 triệu đồng/ tháng cho con Phan Hữu T, sinh ngày 18/9/2017. Không yêu cầu cấp dưỡng cho Phan Trần Mỹ U, sinh ngày 25/8/2014. Anh T không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ đóng góp nuôi con để thực hiện quyền và nghĩa vụ của bản thân trong quá trình trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc M và anh Phan Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc M được ly hôn anh Phan Hữu T.

2. Về con chung: Giao con chung Phan Trần Mỹ U, sinh ngày 25/8/2014 Phan Hữu T, sinh ngày 18/9/2017 cho chị Trần Thị Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phan Hữu T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Phan Hữu T, sinh ngày 18/9/2017, mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình. Nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0022697 ngày 04/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, chị Trần Thị Ngọc M đã nộp đủ án phí.

Anh Phan Hữu T phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc Cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐẶNG THỊ HOA NGA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND.tx.L;
- Chi cục THADS.tx.L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.